

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 242 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 7 năm 2022

## **BÁO CÁO**

**Về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ,  
giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2022**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang

Thực hiện Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Căn cứ chương trình kỳ họp thường lệ giữa năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2022 như sau:

### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

#### **1. Tình hình giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2022**

Tổng kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước năm 2022 tỉnh Kiên Giang được Thủ tướng Chính phủ giao là 4.674,419 tỷ đồng (Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2022)

UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua tổng kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh là 5.124,419 tỷ đồng (Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang), tăng 450 tỷ đồng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cụ thể:

*DVT: tỷ đồng*

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2022 (Thủ tướng Chính phủ giao)	Kế hoạch năm 2022 HĐND tỉnh giao)	Chênh lệch (Tăng +/Giảm -)
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>4.674,419</b>	<b>5.124,419</b>	<b>450</b>

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2022 (Thủ tướng Chính phủ giao)	Kế hoạch năm 2022 HĐND tỉnh giao)	Chênh lệch (Tăng +/Giảm -)
<b>I</b>	<b>VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG.</b> Trong đó:	<b>3.480,690</b>	<b>3.920,690</b>	<b>450</b>
1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.019,590	1.019,590	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng	1.000	1.300	300
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.450	1.600	150
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	11,1	11,1	
<b>II</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG.</b> Trong đó:	<b>1.193,729</b>	<b>1.193,729</b>	
1	Vốn trong nước (Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực)	1.094,718	1.094,718	
2	Vốn nước ngoài	99,011	99,011	

## 2. Kết quả phân bổ chi tiết kế hoạch vốn NSNN năm 2022

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 được Hội đồng nhân dân tỉnh giao theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 là 5.124,419 tỷ đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh đã triển khai giao chi tiết vốn cho các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện, đến ngày 31/3/2022 đã giao 100% so với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, tại các Quyết định:

- Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 giao chi tiết kế hoạch vốn ngân sách Nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu Biển Đông - Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng an ninh trên biển và hải đảo;

- Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đợt 2);

- Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đợt 3);

### **3. Tình hình giải ngân 6 tháng đầu năm 2022 và ước thực hiện đến ngày 31/01/2023 (kèm theo các phụ lục).**

- Ước giải ngân đến ngày 30/6/2022 là 1.410,226 tỷ đồng, đạt 27,52% so với kế hoạch (tuy nhiên, theo số liệu Kho bạc Nhà nước Kiên Giang, kết quả giải ngân đến ngày 30/6/2022 là 1.752,162 tỷ đồng/5.124,419 tỷ đồng, đạt 34,19%, cao hơn cùng kỳ năm 2021 là 14,43%; giá trị khối lượng hoàn thành là 1.825,027 tỷ đồng, đạt 35,61%; nếu không tính nguồn vốn sử dụng đất, thì giải ngân đến ngày 30/6/2022 là 1.472,663 tỷ đồng/3.824,419 tỷ đồng, đạt 38,5%. Nếu xử lý được các vướng mắc thanh toán từ nguồn vốn sử dụng đất, các hồ sơ để ban hành giá giao đất trên các địa bàn được hoàn chỉnh, giá trị giải ngân có thể lên 2.107 tỷ đồng, giải ngân đạt khoảng 41% kế hoạch.

Chi tiết các nguồn vốn như sau: vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương đã giải ngân 1.407,476 tỷ đồng/3.930,690 tỷ đồng, đạt 35,81% kế hoạch (trong đó: nguồn xây dựng cơ bản tập trung đã giải ngân 401,441 tỷ đồng/1.019,590 tỷ đồng, đạt 39,37% kế hoạch; nguồn thu sử dụng đất đã giải ngân 279,499 tỷ đồng/1.300 tỷ đồng, đạt 21,50% kế hoạch; nguồn thu xổ số kiến thiết đã giải ngân 715,435 tỷ đồng/1.600 tỷ đồng, đạt 44,71% kế hoạch; nguồn bội chi ngân sách địa phương đã giải ngân 11,100 tỷ đồng/11,100 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch); vốn ngân sách Trung ương đã giải ngân 344,686 tỷ đồng, đạt 28,87% kế hoạch (trong đó: vốn trong nước đã giải ngân 303,951 tỷ đồng/1.091,718 tỷ đồng, đạt 27,77% kế hoạch; vốn nước ngoài (ODA) đã giải ngân 40,735 tỷ đồng/99,011 tỷ đồng, đạt 41,14% kế hoạch). Trong đó, đến 30/6/2022:

+ Một số sở, ngành và địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt trên 30%, gồm: Sở Y tế (88,81%), Trường Cao đẳng Sư phạm (84,18%), Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh (77,2%), Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (74,54%), Sở Tài chính (50,14%), Văn phòng UBND tỉnh (49,79%), Ban Dân tộc tỉnh (44,98%), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (39,47%), Công an tỉnh (36,95%) và các huyện: An Biên (64,96%), Gò Quao (50,42%), Vĩnh Thuận (51,45%), Giồng Riềng (44,82%), Tân Hiệp (40,78%), An Minh (39,52%),...

+ Một số sở, ngành và địa phương chưa giải ngân hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp, gồm: Sở Nội vụ (0%), Trường Cao đẳng Kiên Giang (0,85%), Sở Tài nguyên và Môi trường (0,93%), Sở Văn hóa và Thể thao (2,83%), Trường Cao đẳng Nghề

(2,57%),... và các huyện, thành phố: Kiên Lương (14,29%), Kiên Hải (17,10%), Phú Quốc (18,29%), Hà Tiên (22,73%),...

Trong 36 dự án trọng điểm được giao kế hoạch vốn năm 2022 là 2.253,791 tỷ đồng/5.124,419 tỷ đồng chiếm 43,98% kế hoạch vốn. Giải ngân đến ngày 30/6/2022 là 847,475 tỷ đồng/2.253,791 tỷ đồng, đạt 37,60% kế hoạch.

Tỷ lệ thực hiện đấu thầu qua mạng đến ngày 30/6/2022 là 135/340 gói đạt tỷ lệ 39,70% trên tổng gói thầu đăng ký.

#### **4. Đánh giá chung**

##### **4.1. Những mặt làm được**

Ngay từ khi có Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai. UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/4/2022 về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn tỉnh; trong đó, yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, địa phương phải đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, tập trung vào công tác kiểm tra, giám sát để phát hiện các tồn tại, hạn chế, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và thành lập ngay “Tổ kiểm tra, thúc đẩy giải ngân đầu tư công” với tổ trưởng là Giám đốc các sở, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; phải thực hiện việc giao ban định kỳ hàng tháng để tháo gỡ khó khăn; chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư làm việc trực tiếp với các sở, ban, ngành và địa phương rà soát tiến độ thực hiện, qua đó đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh vốn 39 dự án, với kế hoạch vốn 371.185 triệu đồng. Điều chuyển kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nguồn vốn năm 2021 chưa giải ngân hết với tổng vốn 1.035,221 tỷ đồng sang năm 2022 tiếp tục thực hiện.

Công tác chỉ đạo điều hành một số sở, ban, ngành và địa phương có nhiều chuyển biến tích cực; chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện ngay sau khi được giao kế hoạch vốn; một số tồn tại, hạn chế đã được khắc phục, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án chuyển tiếp, nhiều dự án bố trí mới được tổ chức đấu thầu triển khai thực hiện. Đã chủ trì ký kết kế hoạch thực hiện các dự án trọng điểm giữa chủ đầu tư và các địa phương để thống nhất kế hoạch thực hiện, đặc biệt là công tác bồi hoàn, giải phóng mặt bằng các dự án giao thông đi qua địa bàn các địa phương đó.

##### **4.2. Những tồn tại, hạn chế**

Năm 2022 là năm cả nước chung tay khắc phục những hậu quả của đại dịch Covid-19, việc giải ngân kế hoạch đầu tư công sẽ ảnh hưởng lớn đến các

chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Kiên Giang nói riêng.

Tuy nhiên, một số đơn vị vẫn thực hiện chưa nghiêm các chỉ đạo của chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ và cơ quan Trung ương, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh như: chưa nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 không đạt kế hoạch đề ra; chưa giải ngân theo kế hoạch đề ra theo Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh; chưa triển khai và hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu thi công đối với các công trình triển khai mới năm 2022<sup>1</sup> (nhất là các dự án trọng điểm); phần lớn các đơn vị chậm hoặc chưa xây dựng kế hoạch triển khai cho từng dự án cụ thể để có giải pháp chỉ đạo điều hành cho phù hợp theo kế hoạch dự án. Công tác bồi hoàn, giải phóng mặt bằng vẫn là vướng mắc chưa được giải quyết triệt để, còn chậm, quy trình thủ tục còn kéo dài, khiếu nại khiếu kiện trong công tác lập phương án bồi hoàn, giải phóng mặt bằng vẫn thường xuyên xảy ra làm ảnh hưởng tiến độ của nhiều công trình.

Chất lượng công tác xây dựng, phân bổ vốn được nâng lên, bám sát thực tế và khả năng triển khai của từng dự án nhưng vẫn còn hạn chế, một số các địa phương chưa chủ động, còn sai sót trong việc bố trí danh mục đầu tư (*chưa tuân thủ quy định theo từng nguồn vốn, chưa đủ hồ sơ thủ tục, kế hoạch sử dụng đất để thu hồi đất, chuẩn bị danh mục và phân khai chi tiết các công trình giao thông nông thôn còn chậm*). Vẫn còn một số chủ đầu tư chậm hiện thủ tục như: chưa phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán; chưa phê duyệt phương án bồi hoàn, giải phóng mặt bằng để triển khai đấu thầu xây lắp, ...

Công tác đấu thầu từng bước đã khắc phục những hạn chế, đấu thầu qua mạng đã được tuân thủ theo kế hoạch của Chính phủ nhưng việc triển khai thực hiện ở nhiều gói thầu chưa đảm bảo theo quy định. Tiến độ thi công các công trình chuyển tiếp còn chậm. Bên cạnh đó, giá vật tư xây dựng thời gian gần đây có xu hướng tăng cao ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án. Giá nhiên liệu tăng so với thời điểm ban hành đơn giá khoảng từ 22% đến 29%. Giá cước vận chuyển hàng hóa trên địa bàn tỉnh đến thời điểm hiện nay đã tăng so với thời điểm ban hành khoảng từ 24% đến 27%.

#### 4.3. Nguyên nhân:

<sup>1</sup> Gồm các dự án: đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương; đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành); đường Minh Lương - Giục Tượng; đường tránh thị trấn Kiên Lương (điểm đầu ĐT.971 đến trạm điện Kiên Bình QL80); kè chống sạt lở kênh Hà Giang (đoạn Trung tâm hành chính - Khu dân cư Đầm Chít);...

a) Về khách quan:

- Giá vật tư xây dựng có xu hướng tăng cao ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án, giá nhiên liệu và giá cước vận chuyển hàng hóa trên địa bàn tỉnh tăng, tác động trực tiếp đến chi phí của doanh nghiệp, nhà thầu xây dựng, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công dự án; bên cạnh đó, đã xuất hiện tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu, gây khó khăn cho chủ đầu tư trong việc quản lý giá thành, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, gây khó khăn cho nhà thầu trong việc triển khai thi công làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công và kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công.

- Các dự án thành phần sử dụng vốn ODA thực hiện tại địa phương phải phụ thuộc vào quy trình phê duyệt của Ban Quản lý dự án Trung ương, một số dự án phải thực hiện điều chỉnh hiệp định vay, gia hạn thời gian thực hiện dự án<sup>2</sup>, thống nhất với nhà tài trợ về kế hoạch thực hiện, công tác đấu thầu, ban hành sổ tay hướng dẫn,... nên triển khai chậm.

b) Về chủ quan:

Mặc dù kế hoạch đầu tư công được giao vốn ngay từ đầu năm, tuy nhiên việc triển khai lập các thủ tục chuẩn bị đầu tư, triển khai dự án chuyển tiếp của các chủ đầu tư vẫn chậm so với chỉ đạo.

Các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương vẫn đang vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng<sup>3</sup>, đặc biệt là các dự án kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm.

Một số chủ đầu tư còn chậm, chưa chủ động trong việc phối hợp hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục như: điều chỉnh chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, phê duyệt phương án bồi hoàn, giải phóng mặt bằng, một số dự án đang hoàn thiện thủ tục lựa chọn nhà thầu, phê duyệt kế hoạch đấu thầu; phối hợp xử lý kỹ thuật các công trình thi công trên mặt bằng có địa hình, địa chất phức tạp hoặc công trình có thiết kế đặc thù<sup>4</sup>;

<sup>2</sup> Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Kiên Giang

<sup>3</sup> Gồm một số dự án: cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá-Hà Tiên); nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông-Cửa Cạn-Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam-Bắc; đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất; đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang-đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành); đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao); Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phạm - mộ Chị Sứ); đường Nguyễn Thị Minh Khai (đường Lê Hồng Phong đến đường Phan Thị Ràng); đường Trần Văn Giàu (khu dân cư Nam An Hòa-đường Phan Thị Ràng), Công viên ven kè Kênh Nhánh,...

<sup>4</sup> Gồm các dự án: hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải; Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường; Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hóa tỉnh; Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông;...



chưa xác định được nguồn vốn và mức vốn cụ thể; các dự án chuyển tiếp đang thi công cần có khối lượng mới giải ngân được (thông thường những tháng đầu năm các dự án thi công để lấy khối lượng thanh toán cho phần đã tạm ứng vào cuối năm 2021),..

Vẫn còn một số đơn vị thi công thiếu kinh nghiệm, năng lực thiết bị, tài chính và nhân lực không đúng với hồ sơ trúng thầu<sup>5</sup>; tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát kinh nghiệm, năng lực còn hạn chế, thiếu tinh thần trách nhiệm nên quá trình thi công phải xử lý phát sinh, làm chậm tiến độ thực hiện.

## II. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022, để thực hiện hoàn thành và phân đấu giá trị giải ngân đạt 100%, một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để tổ chức triển khai thực hiện như sau:

### 1. Nhiệm vụ chung

Giao nhiệm vụ cho Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban ngành, các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các chủ đầu tư tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và của UBND tỉnh như: Công điện số 05/CĐ-BKHĐT ngày 27/4/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các văn bản chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh: Công văn số 218/UBND-TH ngày 15/02/2022, Công văn số 674/UBND-TH ngày 09/5/2022, Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/4/2022; phải xem giải ngân vốn đầu tư công là giải pháp quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo động lực cho các ngành, lĩnh vực kinh tế khác và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan, đơn vị mình. Kịp thời chấn chỉnh, khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế, nhất là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chấp hành nghiêm các quy định trong quản lý đầu tư công, đấu thầu, xây dựng, thanh toán vốn. Xây dựng tiến độ chi tiết cho từng dự án/công trình để phân công cán bộ trực tiếp theo dõi, đôn đốc, quản lý tiến độ.

Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc không để xảy ra tình trạng chậm giao, tồn đọng vốn, tồn đọng hồ sơ giải quyết các thủ tục dự án đầu tư; đẩy nhanh công tác nghiệm thu, quyết toán, không để dồn vào cuối năm. Chủ động rà soát tiến độ giải ngân để kịp thời có phương án xử lý cụ thể, kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn từ các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng

<sup>5</sup> Do sơ suất trong khâu kiểm tra, vẫn trúng thầu và thực hiện nhiều gói thầu cùng một thời điểm dẫn đến năng lực không đảm bảo theo hồ sơ dự thầu.

giải ngân tốt, bảo đảm hiệu quả vốn đầu tư; tăng cường phân cấp, ủy quyền, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; tiếp tục xác định kết quả giải ngân vốn đầu tư công là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể, cá nhân liên quan.

## 2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Đối với các đơn vị chưa giải ngân: khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, sớm hoàn thành các thủ tục nghiệm thu, lập hồ sơ thanh quyết toán khối lượng hoàn thành. Trường hợp khó khăn phải chủ động báo cáo các tổ kiểm tra, thúc đẩy giải ngân đầu tư công<sup>6</sup> để tháo gỡ, hoặc chủ động đề xuất điều chuyển vốn cho các dự án khác có nhu cầu và khối lượng.

2.2. Đối với các đơn vị có tỷ lệ giải ngân thấp: đôn đốc các đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ, sớm hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng triển khai thi công. Đối với các dự án chuyển tiếp, các chủ đầu tư tích cực đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm lập các thủ tục thanh toán khối lượng hoàn thành theo đúng quy định để giải ngân theo kế hoạch tại Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.3. Đối với các đơn vị có tỷ lệ giải ngân tốt: các chủ đầu tư tiếp tục theo dõi sát tiến độ dự án để có đề xuất rút ngắn thời gian thi công, sớm đưa công trình nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng có quy mô lớn, giúp phát huy hiệu quả đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trường hợp các dự án này thiếu vốn thì đề xuất các tổ công tác, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

2.4. Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có dự án vướng giải phóng mặt bằng: đôn đốc, sớm triển khai hoàn thành phương án giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn, trường hợp có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền phải chủ động phối hợp với chủ đầu tư báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu cho ý kiến xử lý. Các địa phương có trách nhiệm vận động người dân trong khu vực dự án sớm di dời, bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công triển khai dự án đảm bảo tiến độ.

2.5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường: tiếp tục quan tâm, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc giúp các địa phương đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm. Tham mưu tổ chức hội nghị chuyên đề về công tác bồi hoàn giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực

<sup>6</sup> Theo Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/4/2022 UBND tỉnh Kiên Giang.



chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác giải phóng mặt bằng. Hướng dẫn, kiểm soát quy trình, thủ tục nhằm hạn chế sai sót dẫn đến khiếu nại, khiếu kiện của người dân. Đẩy nhanh tiến độ dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh do Sở quản lý.

2.6. Giao chủ đầu tư các dự án trọng điểm: chủ đầu tư các dự án trọng điểm (các Sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, ...) tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm. Chủ trì, phối hợp với các ban quản lý dự án chuyên ngành đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thành các dự án: cảng hành khách Rạch Giá; nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc; đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất; đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành); đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao); chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9; đầu tư xây dựng 18 công trình tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang; chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat); Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường; Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường;... theo kế hoạch. Kiểm soát chặt chẽ không để vượt tổng mức đầu tư dự án. Rà soát tiến độ thực hiện các dự án để có đề nghị điều chuyển, cắt giảm, bổ sung vốn cho phù hợp với tiến độ, đặc thù của dự án.

2.7. Các chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Lao động Thương binh Xã hội; Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá khẩn trương hoàn thành các thủ tục phê duyệt dự án và phải triển khai nhanh các thủ tục về xây dựng, đấu thầu; đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thuộc Chương trình Phục hồi và Phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành dự án trong 02 năm 2022-2023 theo các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2.8. Giao nhiệm vụ cho các sở quản lý xây dựng chuyên ngành: các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương nghiên cứu rút ngắn thời gian thẩm định, phê duyệt thiết kế cơ sở, dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán. Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu chủ động làm việc với các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn để tháo gỡ vướng mắc để sớm triển khai dự án. Đối với những đơn vị tư vấn không đủ năng lực, yêu cầu chủ đầu tư cắt hợp đồng để giao lại cho các đơn vị khác đủ năng lực theo quy định. Chủ động rà soát, tham mưu đối với những vướng mắc trong việc thực hiện các văn bản mới ban hành thuộc lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản.



Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tăng cường công tác tập huấn, cập nhật các quy định mới cho các ban quản lý dự án, chủ đầu tư; kịp thời cập nhật biến động giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là giá thép xây dựng, giá cát san lấp mặt bằng. Sớm hoàn thành tham mưu về phân cấp ủy quyền theo nhiệm vụ được phân công.

2.9. Giao nhiệm vụ Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tổ công tác: tiếp tục tổ chức kiểm tra đôn đốc, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư công và giải ngân năm 2022 (kể cả vốn kéo dài). Đôn đốc các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành, phê duyệt dự án và tổ chức triển khai ngay các dự án thuộc Chương trình Phục hồi và Phát triển kinh tế - xã hội. Rà soát, kiên quyết tham mưu cắt giảm các dự án nhỏ lẻ, không hiệu quả, chậm thủ tục đầu tư danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; đôn đốc các ngành hoàn tất thủ tục đầu tư các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, nhất là các dự án thuộc nguồn vốn Trung ương bổ sung. Hoàn chỉnh lại danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2022, trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định, phù hợp, đảm bảo đúng mục tiêu và ưu tiên sắp xếp thứ tự đầu tư nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết Đại hội các cấp.

Trên cơ sở thực tế tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022; chủ động đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phương án xử lý cụ thể, kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn từ các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn, từ các dự án chưa hoàn thành thủ tục đầu tư (chưa có quyết định đầu tư) sang các dự án đã đủ thủ tục hồ sơ, bảo đảm hiệu quả vốn đầu tư và đúng theo quy định. Dự kiến nhu cầu và tham mưu, hướng dẫn các ngành, địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo quy định.

2.10. Giao UBND các huyện, thành phố: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, rà soát từng dự án, kiểm soát chặt chẽ quy trình lập hồ sơ, thủ tục và sự cần thiết, phạm vi, quy mô từng dự án theo đúng quy hoạch, định hướng, mục tiêu đã được duyệt, bảo đảm hiệu quả đầu tư, kết quả đầu ra của từng dự án. Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục ngay các sai sót và khẩn trương điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022, rà soát danh mục dự án và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp theo đúng quy định.

2.11. Yêu cầu các chủ đầu tư, các sở, ngành, địa phương rà soát để xem xét, đề xuất xuất cắt giảm các dự án nhỏ lẻ, chậm thủ tục...vv trong trung hạn

giai đoạn 2021-2025 nhằm tập trung nguồn lực cho các công trình mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, mang tính lan tỏa....

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh. / *ncce*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nknguyen (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Nguyễn Thanh Nhân**





Phụ lục I

**BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 (THEO NGUỒN VỐN)**

Kiểm theo Báo cáo số 222/BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

Đơn vị: triệu đồng.

TT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch năm 2022 (theo NQ HĐND tỉnh)	Kế hoạch năm 2022 (UBND tỉnh giao chi tiết)	THTH từ đầu năm đến ngày 30/06/2022				Ước THTH từ đầu năm đến ngày 31/01/2023			
				Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến ngày 30/6/2022		Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/01/2023	
						KLHT/KVH	GTGN/KHV			KLHT/KVH	GTGN/KHV
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=6/4	9	10	15=9/4	16=10/4
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>5.124.419</b>	<b>5.124.419</b>	<b>1.825.027</b>	<b>1.752.162</b>	<b>35,61%</b>	<b>34,19%</b>	<b>5.070.287</b>	<b>5.050.627</b>	<b>98,94%</b>	<b>98,56%</b>
<b>I</b>	<b>Vốn ngân sách địa phương, trong đó:</b>	<b>3.930.690</b>	<b>3.930.690</b>	<b>1.452.647</b>	<b>1.407.476</b>	<b>36,96%</b>	<b>35,81%</b>	<b>3.876.558</b>	<b>3.856.898</b>	<b>98,62%</b>	<b>98,12%</b>
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.019.590	1.019.590	425.642	401.441	41,75%	39,37%	999.538	999.538	98,03%	98,03%
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.300.000	1.300.000	285.670	279.499	21,97%	21,50%	1.265.950	1.246.290	97,38%	95,87%
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.600.000	1.600.000	730.235	715.435	45,64%	44,71%	1.599.970	1.599.970	100,00%	100,00%
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	11.100	11.100	11.100	11.100	100,00%	100,00%	11.100	11.100	100,00%	100,00%
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách Trung ương, trong đó:</b>	<b>1.193.729</b>	<b>1.193.729</b>	<b>372.380</b>	<b>344.686</b>	<b>31,19%</b>	<b>28,87%</b>	<b>1.193.729</b>	<b>1.193.729</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>
1	Vốn trong nước (vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực)	1.094.718	1.094.718	330.030	303.951	30,15%	27,77%	1.094.718	1.094.718	100,00%	100,00%
	Trong đó:										
	- 'Đầu tư các dự án trọng điểm, dự án có tính chất liên kết vùng, đường ven biển	200.000	200.000	415	415	0,21%	0,21%	200.000	200.000	100,00%	100,00%
2	Vốn nước ngoài	99.011	99.011	42.350	40.735	42,77%	41,14%	99.011	99.011	100,00%	100,00%

Phụ lục II

**BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 (THEO SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)**

(Kèm theo Báo cáo số: 249/BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: triệu đồng.

TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch năm 2022 (UBND tỉnh giao chi tiết)		THTH từ đầu năm đến ngày 30/6/2022				THTH từ đầu năm đến ngày 31/01/2023				Ghi chú
		Số vốn	Chiếm tỷ lệ	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến ngày 30/6/2022		Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/01/2023		
						KLHT/KVH	GTGN/KHV			KLHT/KVH	GTGN/KHV	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	17
	<b>Tổng cộng (I+II)</b>	<b>5.124.419</b>	<b>100%</b>	<b>1.825.027</b>	<b>1.752.162</b>	<b>35,61</b>	<b>34,19</b>	<b>5.070.287</b>	<b>5.050.627</b>	<b>98,94</b>	<b>98,56</b>	
<b>I</b>	<b>Các Sở, ban, ngành tỉnh</b>	<b>2.366.044</b>	<b>46,17%</b>	<b>897.559</b>	<b>943.369</b>	<b>37,94</b>	<b>39,87</b>	<b>2.343.376</b>	<b>2.343.376</b>	<b>99,04</b>	<b>99,04</b>	
1	Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang	5.000	0,10%	4.500	4.209	90,00	84,18	5.000	5.000	100,00	100,00	
2	BCH Quân sự tỉnh	16.300	0,32%	12.500	12.150	76,69	74,54	16.125	16.125	98,93	98,93	
3	Sở Tài chính	18.300	0,36%	11.211	9.176	61,26	50,14	18.300	18.300	100,00	100,00	
4	Văn phòng UBND tỉnh	13.000	0,25%	7.000	6.473	53,85	49,79	13.000	13.000	100,00	100,00	
5	Ban Dân tộc	3.000	0,06%	1.500	1.349	50,00	44,97	3.000	3.000	100,00	100,00	
6	Công an tỉnh	38.800	0,76%	17.649	14.335	45,49	36,95	38.800	38.800	100,00	100,00	
7	Sở Nông nghiệp và PTNT	347.630	6,78%	139.235	137.200	40,05	39,47	335.925	335.925	96,63	96,63	
8	Sở Y tế	373.759	7,29%	336.625	331.939	90,06	88,81	373.759	373.759	100,00	100,00	
9	Sở Giao thông vận tải	948.571	18,51%	285.000	367.229	30,05	38,71	948.571	948.571	100,00	100,00	
10	Văn phòng Tỉnh ủy	60.733	1,19%	16.731	14.557	27,55	23,97	60.527	60.527	99,66	99,66	
11	Sở Du lịch	51.000	1,00%	12.250	6.074	24,02	11,91	43.700	43.700	85,69	85,69	
12	BCH Biên phòng tỉnh	48.500	0,95%	6.808	4.727	14,04	9,75	48.500	48.500	100,00	100,00	
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	119.185	2,33%	24.863	19.850	20,86	16,65	119.185	119.185	100,00	100,00	
14	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	14.700	0,29%	3.333	2.588	22,67	17,61	14.700	14.700	100,00	100,00	



TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch năm 2022 (UBND tỉnh giao chi tiết)		THTH từ đầu năm đến ngày 30/6/2022				THTH từ đầu năm đến ngày 31/01/2023				Ghi chú
		Số vốn	Chiếm tỷ lệ	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến ngày 30/6/2022		Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/01/2023		
						KLHT/KVH	GTGN/KHV			KLHT/KVH	GTGN/KHV	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	17
15	Trường Cao đẳng nghề Kiên Giang	10.000	0,20%	260	257	2,60	2,57	10.000	10.000	100,00	100,00	
16	Sở Văn hóa và Thể thao	151.000	2,95%	7.067	4.266	4,68	2,83	151.000	151.000	100,00	100,00	
17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	20.000	0,39%	623	623	3,12	3,12	20.000	20.000	100,00	100,00	
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	84.817	1,66%	4.000	790	4,72	0,93	81.535	81.535	96,13	96,13	
19	Trường Cao đẳng Kiên Giang	20.449	0,40%	700	173	3,42	0,85	20.449	20.449	100,00	100,00	
20	Sở Nội vụ	300	0,01%	300		100,00	-	300	300	100,00	100,00	
21	Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	7.000	0,14%	5.404	5.404	77,20	77,20	7.000	7.000	100,00	100,00	
22	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	5.000	0,10%			-	-	5.000	5.000	100,00	100,00	
23	Sở Thông tin và Truyền thông	9.000	0,18%	0	0	0	0	9.000	9.000	100,00	100,00	
<b>II</b>	<b>Huyện, thành phố</b>	<b>2.758.375</b>	<b>53,83%</b>	<b>927.468</b>	<b>808.793</b>	<b>33,62</b>	<b>29,32</b>	<b>2.726.911</b>	<b>2.707.251</b>	<b>98,86</b>	<b>98,15</b>	
1	UBND huyện An Biên	163.625	3,19%	123.650	106.290	75,57	64,96	163.625	163.625	100,00	100,00	
2	UBND huyện Tân Hiệp	65.457	1,28%	34.310	26.691	52,42	40,78	65.457	65.457	100,00	100,00	
3	UBND huyện Gò Quao	94.602	1,85%	50.045	47.694	52,90	50,42	94.602	94.602	100,00	100,00	
4	UBND huyện Vĩnh Thuận	68.513	1,34%	36.082	35.455	52,66	51,75	68.513	68.513	100,00	100,00	
5	UBND huyện Giồng Riềng	140.319	2,74%	65.745	62.884	46,85	44,82	140.289	140.289	99,98	99,98	
6	UBND huyện U Minh Thượng	57.159	1,12%	24.430	19.002	42,74	33,24	57.159	57.159	100,00	100,00	
7	UBND thành phố Hà Tiên	145.344	2,84%	42.000	34.494	28,90	23,73	145.344	145.344	100,00	100,00	
8	UBND huyện Giang Thành	68.101	1,33%	32.411	16.208	47,59	23,80	67.917	67.917	99,73	99,73	
9	UBND thành phố Rạch Giá	190.606	3,72%	58.980	57.347	30,94	30,09	190.606	190.606	100,00	100,00	
10	UBND huyện Hòn Đất	88.166	1,72%	32.160	27.485	36,48	31,17	88.166	88.166	100,00	100,00	

TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch năm 2022 (UBND tỉnh giao chi tiết)		THTH từ đầu năm đến ngày 30/6/2022				THTH từ đầu năm đến ngày 31/01/2023				Ghi chú
		Số vốn	Chiếm tỷ lệ	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến ngày 30/6/2022		Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến ngày 31/01/2023		
						KLHT/KVH	GTGN/KHV			KLHT/KVH	GTGN/KHV	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	17
11	UBND huyện Kiên Hải	100.183	1,96%	25.231	17.132	25,18	17,10	100.183	100.183	100,00	100,00	
12	UBND huyện An Minh	208.535	4,07%	87.414	82.414	41,92	39,52	208.535	208.535	100,00	100,00	
13	UBND thành phố Phú Quốc	1.093.490	21,34%	229.010	200.042	20,94	18,29	1.062.240	1.042.580	97,14	95,34	
14	UBND huyện Châu Thành	161.210	3,15%	62.500	59.504	38,77	36,91	161.210	161.210	100,00	100,00	
15	UBND huyện Kiên Lương	113.065	2,21%	23.500	16.151	20,78	14,29	113.065	113.065	100,00	100,00	



Phụ lục III

**PHỤ LỤC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 2022**

(Kèm theo Báo cáo số: 242/BC-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm		Lũy kế từ khởi công đến 31/12/2021		Kế hoạch năm 2022 (gồm: NSDP, TW, ODA)	THTH từ đầu năm đến ngày 30/6/2022			TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm		Khối lượng thực hiện		Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Tỷ lệ (%) giá trị cấp phát
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	<b>Tổng</b>								<b>2.253.791</b>	<b>820.838</b>	<b>847.475</b>	<b>37,60</b>	
<b>A</b>	<b>CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP</b>								<b>1.680.594</b>	<b>551.916</b>	<b>585.712</b>	<b>34,85</b>	
<b>I</b>	<b>Sở Giao thông Vận tải</b>								<b>528.592</b>	<b>163.395</b>	<b>153.028</b>	<b>28,95</b>	
1	Dự án ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	RG-HĐ	2019-2023	2232; ngày 30/9/2019	952.960	952.960	260.900	346.187	200.000	39.020	33.969	16,98	Vướng GPMB: Tại TPRG còn 01 hộ tại cầu số 2 (đang trình phương án bổ sung), tại huyện Hòn Đất còn 10 hộ (khiếu nại đòi tăng giá đất). Dự kiến điều chỉnh vốn.
2	Dự án ĐTXD công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc	PQ	2019-2023	1752; ngày 02/8/2019	919.628	919.628	437.000	490.734	60.000	36.915	22.314	37,19	Vướng GPMB 115 hộ. Đoạn tuyến mở rộng còn 03 hộ. Đoạn nút giao đầu tuyến đến Búng Gội 50 hộ. Đoạn đường Búng Gội đến đoạn đường Ba Trại (Đất rừng phòng hộ 1.335m và 433m vướng 16 hộ)... Dự kiến điều chỉnh vốn.
3	Dự án ĐTXD công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	RG	2019-2023	2233; ngày 30/9/2019	409.993	409.993	60.000	143.000	100.000	47.370	16.386	16,39	Hiện đang vướng mặt bằng bãi chứa chất nạo vét luồng và vướng mặt bằng tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt nối dài. Công trình hiện đang thi công. Dự kiến điều chỉnh vốn.
4	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	AB, UMT, VT, GQ	2016-2022	2271; ngày 30/10/2017 1244; ngày 20/05/2021 2950; ngày 02/12/2021	392.122	126.322	199.500	227.070	90.000	40.090	26.999	30,00	Vướng GPMB Tuyến chính còn 04 hộ, chiều dài 240m. Đoạn qua khu di tích Bờ Dừa còn vướng 09 hộ, chiều dài khoảng 663m. Do chưa thống nhất giá bồi thường, yêu cầu nâng giá đất.



TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế từ khởi công đến 31/12/2021		Kế hoạch năm 2022 (gồm: NSDP, TW, ODA)	THTH từ đầu năm đến ngày 30/6/2022			TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) giá trị cấp phát		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
5	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở UMT		2019-2022	2511; ngày 31/10/2019	125.059	125.059	28.800	50.685	30.000		28.430	94,77	Giải ngân đạt yêu cầu tiến độ. Dự kiến điều chỉnh vốn.	
6	Nâng cấp đường thứ 2 đến Công Su, huyện An Biên và U Minh Thượng		2019-2023	2272; ngày 30/10/2017 2951; ngày 02/12/2021	277.849	277.849	158.640	176.698	23.292		23.192	99,57	Giải ngân đạt yêu cầu tiến độ. Dự kiến điều chỉnh vốn.	
7	Cầu Mỹ Thái (Vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)		2019-2022	2515; ngày 31/10/2019 783; ngày 19/03/2021	79.543	79.543	13.200	27.000	25.300		1.738	6,87	Hiện chưa phê duyệt được phương án GPMB, đang lấy ý kiến dân về giá đất (có 30/37 hộ không đồng ý). Công trình đang thi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.	
II	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn								337.630	129.500	130.124	38,5		
8	Hồ chứa nước Bãi Cây mền Huyện Kiên Hải	KH	2017-2022	2281, 30/10/2017; 317, 18/02/2020; 233, 29/01/2021	152.289	44.289	32.289	32.289	12.000		10.500	9.939	82,83	Giải ngân đạt yêu cầu tiến độ.
9	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	TT	2018-2023	2409; 30/10/2018	96.346	96.346	75.881	75.881	5.000		-	1	0,02	Đang chờ trình phê duyệt QHTT giai đoạn 1, đang trình thẩm định điều chỉnh phần vốn kết dư để triển khai giai đoạn 2. dự kiến trong quý III/2022 sẽ triển khai thi công.
10	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	AB-AM	2017-2022	1044, 06/5/2016; 472, 04/3/2019; 147, 26/6/2020	736.799	8.913	298.958	298.958	90.400		32.000	37.000	40,93	1- Vốn Vay nước ngoài giải ngân 25.900/74.300 triệu đồng thuộc KH ĐTC 2022. 2- Vốn vay lại giải ngân 11.100/11.100 triệu đồng thuộc KH ĐTC 2022. 3- Vốn đối ứng giải ngân 0/5.000 triệu đồng thuộc KH ĐTC 2022. Công trình đang thi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.
11	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trình tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	KG	2019-2023	2516, 31/10/2019	1.484.000	-	259.696	259.696	181.230		70.000	66.613	36,76	Công trình đang thi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.
12	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat)	TT	2018-2022	2731, 10/11/2015; 1100, 15/5/2019; 462, 25/02/2021	338.551	49.050	100.507	100.507	49.000		17.000	16.571	33,82	Vốn Vay nước ngoài giải ngân 14.835/15.000 triệu đồng thuộc KH ĐTC 2022. Vốn Đối ứng giải ngân 1.736/34.000 triệu đồng thuộc KH ĐTC 2022.
III	Sở Y tế								114.059	123.463	99.150	86,93		

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm		Lũy kế từ khởi công đến 31/12/2021		Kế hoạch năm 2022 (gồm: NSDP, TW, ODA)	THTH từ đầu năm đến ngày 30/6/2022			TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm		Khối lượng thực hiện		Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Tỷ lệ (%) giá trị cấp phát
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
13	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường		2019-2023	2433, 31/10/2018	761.195	761.195	25.500	311.507	103.759	98.471	89.519	86,28	Giải ngân đạt yêu cầu tiến độ.
14	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành		2017-2020	2280, 30/10/2017	160.000	160.000			300	-	-	0,00	Đang trình Sở XD điều chỉnh DA.
15	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm thiết bị Trung tâm y tế thành phố Phú Quốc		2021-2023	162/QĐ-BQLKTPQ, 28/7/2021	29.995	29.995	-	5.000	10.000	24.992	9.631	96,31	Giải ngân đạt yêu cầu tiến độ.
IV	Sở Văn hóa Thể thao								145.000	15.500	1.346	0,93	
16	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	RG	2017-2022	944, 09/4/2021	130.000	50.000			30.000	10.000	261	0,87	Công trình đang thi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV. Dự kiến điều chỉnh vốn.
17	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa tỉnh GD 2016-2020	RG	2019-2022	2434, 31/10/2018	49.616	49.616			15.000	5.500	18	0,33	Công trình đang thi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.
18	Đầu tư xây dựng quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	PQ	2022-2024	835, 29/03/2022	353.809	153.809			100.000	-	1.067	1,07	Công trình đang trong quá trình thực hiện lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế nên chưa có khối lượng giải ngân đáng kể. Đến 30/9/2022 hoàn thành thiết kế và thẩm tra bản vẽ thi công, dự toán. Đến quý IV/2022 Triển khai gói thầu.
V	Sở Du Lịch								51.000	12.496	6.074	11,91	
19	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quéo)	HĐ	2019-2022	2496, 31/10/2019; 703, 18/3/2021	59.869	59.869		23.388	30.000	6.296	5.724	19,08	Công trình đang thi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV. Dự kiến điều chỉnh vốn.
20	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (Cây xăng Bình Phận - mộ Chị Sứ)	HĐ	2019-2022	2505; 31/10/2019	59.453	59.453		28.184	21.000	6.200	350	1,67	Công trình đang thi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV. Dự kiến điều chỉnh vốn.
VI	Văn phòng Tỉnh ủy								30.000	7.421	4.104	13,68	
21	Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy thời kỳ chống mỹ cứu nước (1954-1975) ở huyện U Minh Thượng	UMT	2020-2022	723, 20/3/2020	151.293	123.483	58.403	91.316	30.000	7.421	4.104	13,68	Công trình đang thi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.
VII	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh								30.000	-	398	1,33	

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế từ khởi công đến 31/12/2021		Kế hoạch năm 2022 (gồm: NSDP, TW, ODA)	THTH từ đầu năm đến ngày 30/6/2022			TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
22	Đồn biên phòng cửa khẩu Cạnh Hòn Chông	KL	2020-2022	2529, 29/10/2020	60.000	60.000		22.000	30.000	-	398	1,33	Công trình đang thi công nhưng vướng giải phóng mặt bằng 01 hộ bà Nguyễn Anh Đào (theo Kết luận thanh tra tỉnh giao cho huyện Kiên Lương lập phương án bồi thường cho bà Đào) nên đến nay chưa giao hết mặt bằng cho thi công.
VIII	Huyện Phú Quốc							207.725	74.439	67.145	32,32		
23	Đường số 3 - Khu vực Bãi Trường	PQ	2020-2023	146/QĐ-BQLKKTQP, 13/7/2021	160.909	160.909	52.564	52.564	44.225	15.864	15.114	34,18	Công trình đang thi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý IV.
24	Đường Trung tâm Bãi Trường đoạn 3 và các đường nhánh	PQ	2016-2023	07/QĐ-BQLKKTQP, ngày 29/10/2015; 37/QĐ-BQLKKTQP, 28/3/2016; 97/QĐ-BQLKKTQP, 13/5/2020	1.312.000		826.496	826.496	163.500	58.575	52.031	31,82	Công trình được bố trí vốn TW 16,5 tỷ đồng. Công trình đang thi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.
IX	Thành phố Rạch Giá							13.588	8.702	7.698	56,65		
25	Kè đường Nguyễn Thái Học và Kè đường Trần Hưng Đạo (từ Cầu Kênh Nhánh đến Công Kênh Nhánh)	RG	2021-2022	17, 08/6/2020	32.944	32.944	15.777	15.777	9.588	7.000	6.220	64,87	Công trình đang thi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.
26	Đường Trần Văn Giàu (KDC Nam An Hòa - đường Phan Thị Ràng)	RG	2020-2022	2508, 31/10/2019	59.500	59.500	30.000	30.000	2.000	1.000	840	42,00	Công trình đang thi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.
27	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đường Lê Hồng Phong đến Phan Thị Ràng)	RG	2020-2022	2508, 31/10/2019	53.500	53.500	19.000	19.000	2.000	702	638	31,90	Công trình đang thi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.
X	Huyện An Minh							123.000	-	45.059	36,63		

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế từ khởi công đến 31/12/2021		Kế hoạch năm 2022 (gồm: NSDP, TW, ODA)	THTH từ đầu năm đến ngày 30/6/2022			TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
28	Đường KT1, huyện An Minh	AM	2019-2023	523, 06/3/2019	200.000	198.000		153.000	23.000	-	-	0,00	Công trình đang điều chỉnh dự án (nấn tuyến), dự kiến khi thực hiện điều chỉnh DA xong sẽ tiếp tục thực hiện. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.
29	Cầu thị trấn Thứ 11 (vượt kênh Tân Bằng - Cán Gáo)	AM	2021-2024	1973, 21/5/2021	200.000				100.000	-	45.059	45,06	Công trình vừa có kết quả lựa chọn nhà thầu xong, chuẩn bị lễ khởi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.
XI	Huyện An Biên								100.000	17.000	71.586	71,59	
30	Cầu Thứ Ba (ngang kênh xáng Xéo Rô)	AB	2021-2024	7519, 27/9/2021	250.000				100.000	17.000	71.586	71,59	Công trình đang thi công. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.
B	<b>CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI</b>								573.197	268.922	261.763	45,67	
I	<b>Sở Giao thông Vận tải</b>								419.979	225.000	214.201	51,00	
1	Dự án ĐTXD công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	CT	2019-2023	2070; ngày 11/9/2019 2498; ngày 31/10/2019 3291; ngày 31/12/2021	729.926	729.926	11.443	12.266	219.979	220.000	213.786	97,18	Bước TKBVTC, Ban QLDA đã trình chủ đầu tư thẩm định ngày 18 tháng 5 năm 2022. Dự kiến mời thầu xây lắp trong quý III. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV. Dự kiến điều chỉnh vốn. Phương án GPMB: tại TP Rạch Giá đã được phê duyệt, tại huyện Châu Thành đang đang hoàn thiện.
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	HD	2021-2024	2247; ngày 21/09/2021	1.479.992	-	16.500	16.003	200.000	5.000	415	0,21	Đang ở bước TKBVTC dự kiến trình chủ đầu tư phê duyệt TKBVTC dự toán trong tháng 7. Dự kiến triển khai mời thầu xây lắp trong quý III. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV. Phương án GPMB: Bước khảo sát giá đất tại huyện Hòn Đất và huyện Kiên Lương đang trình Sở TNMT.
II	<b>Trường Cao đẳng nghề Kiên Giang</b>								10.000	-	257	2,57	
3	Xây dựng, sửa chữa Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	RG	2021-2024	2264, 22/9/2021	49.435	49.435		507	10.000	-	257	2,57	Công trình đang triển khai công tác lựa chọn nhà thầu xây lắp (đang mời thầu). Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.
III	Huyện Châu Thành								92.980	43.922	43.798	47,10	

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lũy kế từ khởi công đến 31/12/2021		Kế hoạch năm 2022 (gồm: NSDP, TW, ODA)	THTH từ đầu năm đến ngày 30/6/2022			TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Tỷ lệ (%) giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4	Đường Minh Lương - Giục Tượng	CT	2021-2023	2711, 17/5/2021	168.798			3.000	92.980	43.922	43.798	47,10	Giải ngân công tác giải phóng mặt bằng đạt gần 90%. Dự kiến mời thầu xây lắp trong tháng 7. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.
IV	Huyện Kiên Lương								40.238	-	2.501	6,22	
5	Đường tránh thị trấn Kiên Lương (điểm đầu Đ.T.971 đến trạm điện Kiên Bình QL80)	KL	2021-2025	197, 09/02/2022	350.000				40.238	-	2.501	6,22	Đang tổ chức mời thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công, thời gian đóng thầu là 21/7/2022. Dự kiến phê duyệt lập thiết kế bản vẽ thi công + dự toán công trình trong quý III/2022. Giải phóng mặt bằng (đơn vị thực hiện Cty TNHH M&P Nam Dương): Đã thực hiện các bước đo đạc, điều tra, thu thập thông tin sử dụng đất. Đầu tháng 7/2022 tiến hành thẩm định ngoại nghiệp, xét nguồn gốc đất, song song đó tiến hành khảo sát giá đất, niêm yết và tổ chức lấy ý kiến phương án (khoảng thời gian từ 1/8 đến 20/8/2022 (20 ngày theo quy định)). Dự kiến phê duyệt xong phương án GPMB trong quý III/2022 và chi trả tiền bồi hoàn. Dự kiến mời thầu xây lắp trong quý IV
V	Huyện Giang Thành								10.000	-	1.006	10,06	
6	Kè chống sạt lở kênh Hà Giang (đoạn Trung tâm hành chính - khu dân cư Đầm Chít)	GT	2021-2024	2622, 14/10/2021	80.000				10.000	-	1.006	10,06	Công trình đang trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu xây lắp. Sẽ giải ngân hết trong Quý III và IV.